CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14/2015/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2015*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Số: 5
Ngày: 24/02

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt về kết cấu hạ tầng đường sắt; kinh doanh đường sắt; phương tiện giao thông đường sắt; danh mục hàng nguy hiểm và vận tải hàng nguy hiểm trên đường sắt; đường sắt đô thị; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trong việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường sắt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến đường sắt trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương II
KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 3. Đất dành cho đường sắt

1. Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý và bảo vệ đất dành cho đường sắt; bảo đảm sử dụng đúng mục đích đã được phê duyệt và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình đường sắt chịu trách nhiệm bảo vệ đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt; phát hiện và xử phạt vi phạm phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt.

2. Đất dành cho đường sắt phải được cắm mốc chỉ giới. Việc cắm mốc chỉ giới được quy định như sau:

a) Đối với đất quy hoạch dành cho đường sắt:

Việc cắm mốc chỉ giới do Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có quy hoạch đường sắt thực hiện.

b) Đối với đất dành cho đường sắt khi thực hiện nâng cấp, cải tạo từ đường sắt đang khai thác hoặc xây dựng mới từ sau ngày Luật Đường sắt có hiệu lực (ngày 01 tháng 01 năm 2006), chủ đầu tư dự án có trách nhiệm sau đây:

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có công trình đường sắt xây dựng phương án cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình đường sắt phê duyệt. Trong thời hạn không quá 03 (ba) tháng kể từ ngày được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới, chủ đầu tư dự án phải chủ trì, phối hợp cùng Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình đường sắt công bố công khai mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đường sắt hành lang an toàn giao thông đường sắt và tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa, bàn giao mốc chỉ giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình đường sắt quản lý, bảo vệ.

c) Đối với đất dành cho đường sắt đang khai thác và có từ trước ngày Luật Đường sắt có hiệu lực (ngày 01 tháng 01 năm 2006), doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm sau đây:

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có công trình đường sắt xây dựng phương án cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình đường sắt phê duyệt. Trong thời hạn không quá 03 (ba) tháng, kể từ ngày được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình đường sắt phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt phải chủ trì, phối hợp cùng Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình đường sắt công bố công khai mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt và tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa, bàn giao mốc chỉ giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình đường sắt quản lý, bảo vệ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có công trình đường sắt trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

a) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất dành cho đường sắt; buộc người có hành vi vi phạm khôi phục lại tình trạng ban đầu để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường sắt theo quy định.

Trường hợp để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất dành cho đường sắt tại địa phương thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo đảm an toàn công trình đường sắt, trật tự, an toàn giao thông đường sắt; công bố mốc, cắm mốc, giao nhận mốc chỉ giới phạm vi đất dành cho đường sắt.

Điều 4. Xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng lân cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt

1. Khoảng cách an toàn tối thiểu của một số công trình ở vùng lân cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt được quy định như sau:

a) Nhà làm bằng vật liệu dễ cháy phải cách chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt ít nhất 05 (năm) mét;

b) Lò vôi, lò gốm, lò gạch, lò nấu gang, thép, xi măng, thủy tinh phải đặt cách chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt ít nhất 10 (mười) mét;

c) Các kho chứa chất độc, chất nổ, chất dễ cháy, chất dễ nổ phải làm cách chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt theo quy định của pháp luật có liên quan;

d) Đường dây tải điện phía trên đường sắt, ngoài việc bảo đảm khoảng cách an toàn theo quy định của pháp luật về điện lực còn phải có biện pháp bảo đảm không gây nhiễu hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt và bảo đảm an toàn khi dây tải điện bị đứt;

đ) Tại điểm giao cắt đồng mức giữa đường sắt và đường bộ không bố trí người gác không được xây dựng công trình trong phạm vi góc cắt tầm nhìn của người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ và đường sắt.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể phạm vi góc cắt tầm nhìn của từng loại điểm giao cắt đồng mức giữa đường sắt và đường bộ.

2. Trường hợp việc xây dựng, khai thác tài nguyên hoặc tiến hành hoạt động khác có khả năng ảnh hưởng đến an toàn của công trình đường sắt hoặc an toàn giao thông đường sắt thì chủ đầu tư công trình, tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên hoặc tiến hành hoạt động khác phải báo ngay cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt biết và có biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông đường sắt.

Chương III
KINH DOANH ĐƯỜNG SẮT

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức hoạt động kinh doanh đường sắt

1. Đối với đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, việc kinh doanh kết cấu hạ tầng và kinh doanh vận tải được phân định như sau:

a) Về kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt:

Kết cấu hạ tầng đường sắt là tài sản thuộc sở hữu nhà nước. Việc quản lý, khai thác tài sản này được giao cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện.

b) Về kinh doanh vận tải đường sắt, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt:

Doanh nghiệp có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật đều được tham gia kinh doanh vận tải đường sắt, kinh doanh dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt.

Không phân biệt đối xử đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, kinh doanh dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt thuộc mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước khi thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư.

2. Đối với hệ thống đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng không nhất thiết phải phân định giữa kinh doanh kết cấu hạ tầng và kinh doanh vận tải theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Các công trình, tuyến đường sắt được đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (hợp đồng BOT), hình thức đối tác công tư (PPP) và các hình thức khác, việc quản lý, khai thác thực hiện theo quy định của hợp đồng.

Điều 6. Cho thuê kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư

1. Cho thuê kết cấu hạ tầng đường sắt để trực tiếp phục vụ chạy tàu:

Tổ chức, cá nhân khi sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt để chạy tàu phải trả phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt. Mức phí phụ thuộc vào chiều dài hành trình, mác tàu, tuyến khai thác.

2. Cho thuê công trình đường sắt không trực tiếp liên quan đến việc chạy tàu trên đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư:

a) Công trình đường sắt như nhà ga, quảng trường ga, nhà kho, bãi hàng, đường cáp thông tin... được cho thuê không trực tiếp liên quan đến việc chạy tàu;

b) Doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt xây dựng giá cho thuê trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, thẩm định và đề nghị Bộ Tài chính quyết định mức giá tối thiểu. Doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt ban hành mức giá cụ thể áp dụng đối với từng loại dịch vụ.

3. Bộ Tài chính ban hành cơ chế quản lý, sử dụng nguồn thu từ cho thuê kết cấu hạ tầng đường sắt trên cơ sở đề nghị của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 7. Kiểm tra, giám sát việc cho thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư

1. Bộ Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, giám sát việc cho thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt bảo đảm minh bạch, hiệu quả; các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế không bị phân biệt đối xử trong việc thuê kết cấu hạ tầng đường sắt để chạy tàu, kinh doanh dịch vụ hỗ trợ vận tải hoặc sử dụng cho mục đích phù hợp khác.

2. Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm:

a) Việc xây dựng và công bố biểu đồ chạy tàu;

b) Công tác điều độ chạy tàu;

c) Hoạt động kinh doanh, cho thuê kết cấu hạ tầng đường sắt.

Điều 8. Loại hình và điều kiện chung về kinh doanh đường sắt

1. Kinh doanh đường sắt bao gồm các loại hình sau đây:

a) Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt;

b) Kinh doanh vận tải đường sắt;

c) Kinh doanh xếp, dỡ hàng hóa tại ga, bãi hàng có đường sắt;

d) Kinh doanh lưu kho, bảo quản hàng hóa tại ga đường sắt;

đ) Kinh doanh sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi phương tiện giao thông đường sắt;

e) Kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải đường sắt;

g) Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa.

2. Kinh doanh đường sắt là kinh doanh có điều kiện. Doanh nghiệp, hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) kinh doanh đường sắt phải có đủ các điều kiện chung sau đây:

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam;